CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 25 tháng 05 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty : **Công ty Cổ phần HACISCO**

Mã chứng khoán :**HAS**

Địa chỉ trụ sở chính : 51 Vũ Trọng Phụng – Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân – Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại : 043.858.5684

Fax : 043.858.5563

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Thu Nhạn Kế toán trưởng

Địa chỉ: 51 Vũ Trọng Phụng – Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân – Thành Phố Hà Nội.

Loại công bố thông tin:

☐ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Bất thường

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Hacisco công bố thông tin:

- **Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị lần thứ 12 ngày 25/05/2018**
- **Quyết định số 30/QĐ-HDQT-HAS ngày 25/05/2018 về việc bổ nhiệm bà Hà Thu Nga giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty CP Hacisco kể từ ngày 25/05/2018.**
- **Quyết định số 29/QĐ-HAS về việc ban hành sửa đổi "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Hacisco" và bản Quy chế về quản trị công ty.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn http:www.has.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Trần Thị Thu Nhạn

HACISCO
CONSTRUCTION - LAND - TRADE
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/NQ- HĐQT- HAS

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần HACISCO;

- Căn cứ biên bản họp HĐQT số 12/BB-HĐQT-HAS ngày 25/05/2018 đã được các thành viên (HĐQT) dự họp thống nhất thông qua.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2016. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2017 tổ chức ngày 27/04/2018 về việc thông qua kế hoạch thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017. Hội đồng quản trị thống nhất chi trả cổ tức lần 2 năm 2017 là 5% mệnh giá *(Mỗi cổ phần sở hữu được nhận 500đ bằng tiền mặt)*. Tổng số tiền chi trả lần 2 là 3.900.000.000 đồng.

- Thời gian chi trả dự kiến trong tháng 7- tháng 8 năm 2018

- Đối tượng được hưởng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận trả cổ tức bằng tiền.

- Nguồn vốn chi trả: LNST của Công ty mẹ chưa phân phối.

- Cách thức thực hiện: Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản lưu ký tại các công ty chứng khoán của các cổ đông nếu cổ phiếu đã lưu ký hoặc nhận tiền mặt tại Trụ sở Công ty nếu cổ phiếu chưa lưu ký.

Điều 2: Hội đồng quản trị giao Ban Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty căn cứ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 để chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông lần 2.

Điều 3: Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc điều hành: Làm văn bản gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán, báo cáo Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017 bằng tiền mặt; quyết định thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017 và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4: Hội đồng quản trị Ban hành sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị Công ty từ ngày 25/05/2018. Hội đồng quản trị bổ nhiệm bà Hà Thu Nga giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 25/05/2018.

Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH HĐQT
HÀ THU NGA	HÀ PHÚ THỊNH

HACISCO CONSTRUCTION - LAND - TRADE

ISO 9001:2008'

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/BB- HĐQT- HAS

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2018

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

(Cuộc họp lần thứ 12 nhiệm kỳ 2016- 2021)

Hôm nay, vào hồi 14h30, ngày 25/05/2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần HACISCO (sau đây viết tắt là Công ty) họp cuộc họp lần thứ 12 nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại Hội trường Công ty.

A.THÀNH PHẦN:

1. Hội đồng quản trị : 04 thành viên

- Ông Hà Phú Thịnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Đinh Tiến Vịnh, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, TGĐ;
- Ông Nguyễn Duy Thắng, Ủy viên Hội đồng quản trị;
- Ông Phạm Minh Tuấn, Ủy viên Hội đồng quản trị.

2. Thành phần mời họp:

- Ông Hoàng Văn Lợi, P.TGĐ;
- Bà Trần Thị Thu Nhạn, Kế toán trưởng;
- Bà Đinh Thị Nhung, Trưởng Phòng KH-KT.
- Bà Ngô Thu Yến, Thư ký TGĐ.

3. Thư ký cuộc họp:

- Bà Hà Thu Nga, Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính.

B. NỘI DUNG:

1. Ông Đinh Tiến Vịnh - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trình bày Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2016. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2017 tổ chức ngày 27/04/2018 về việc thông qua kế hoạch thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017. Ban Tổng giám đốc điều hành xin ý kiến Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức lần 2 năm 2017 là 5% mệnh giá *(Mỗi cổ phần sở hữu được nhận 500đ bằng tiền mặt)*. Tổng số tiền chi trả lần 2 là 3.900.000.000 đồng.

2. Ông Hà Phú Thịnh Chủ tịch HĐQT có ý kiến giao Ban Tổng giám đốc điều hành căn cứ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, để chi trả cổ tức lần 2 năm 2017 cho cổ đông.

3. Ông Hoàng Văn Lợi – Phó Tổng Giám đốc Công ty báo cáo HĐQT:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2017 của Công ty về việc sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Hiện nay Công ty đã sửa đổi xong quy chế quản trị nội bộ vậy trình HĐQT ra Quyết định ban hành Quy chế.

- Căn cứ quy định tại Chương VII tại Quy chế nội bộ về Người phụ trách quản trị Công ty có nhiệm vụ:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Vậy xin trình HĐQT về việc ra quyết định bổ nhiệm bà Hà Thu Nga giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 25/05/2018.

C. KẾT LUẬN:

- Các thành viên HĐQT đã thảo luận và thống nhất biểu quyết như sau:

- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành: 7.800.000 cổ phần

- Tỷ lệ chi trả cổ tức lần 2 năm 2017 là 5% mệnh giá *(Mỗi cổ phần sở hữu được nhận 500đ bằng tiền mặt)*. Tổng số tiền chi trả lần 2 là 3.900.000.000 đồng.

- Thời gian chi trả dự kiến trong tháng 7 – tháng 8 năm 2018

Đối tượng được hưởng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận trả cổ tức bằng tiền.

- Nguồn vốn chi trả: LNST của Công ty mẹ chưa phân phối

- Cách thức thực hiện: Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản lưu ký tại các công ty chứng khoán của các cổ đông nếu cổ phiếu đã lưu ký hoặc nhận tiền mặt tại Trụ sở Công ty nếu cổ phiếu chưa lưu ký.

- Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc điều hành: Làm văn bản gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán, báo cáo Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017 bằng tiền mặt; quyết định thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017 và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

- HĐQT nhất trí Ban hành sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị Công ty từ ngày 25/05/2018. Nhất trí việc bổ nhiệm bà Hà Thu Nga giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 25/05/2018.

- Các thành viên HĐQT đã biểu quyết và thống nhất các nội dung trên.

Số phiếu tán thành là 04/04 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết.

Cuộc họp kết thúc vào 16h00 cùng ngày. Các thành viên tham dự nhất trí thông qua nội dung cuộc họp và ký vào biên bản.

CHỦ TỊCH HĐQT	**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT TGĐ CÔNG TY**
HÀ PHÚ THỊNH	**ĐINH TIẾN VỊNH**
ỦY VIÊN HĐQT	**ỦY VIÊN HĐQT**
NGUYỄN DUY THẮNG	**PHẠM MINH TUẤN**

HACISCO
CONSTRUCTION - LAND - TRADE
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /QĐ-HĐQT-HAS

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hacisco;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2018 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-HAS ngày 25/5/2018 của Công ty cổ phần Hacisco về việc ban hành sửa đổi "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Hacisco"

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT-HAS ngày 25/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hacisco về việc bổ nhiệm người phụ trách công tác quản trị Công ty;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hacisco.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm bà **Hà Thu Nga** giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công Ty cổ phần Hacisco **kể từ ngày 25/05/2018.**

Điều 2: Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ theo Điều 18 của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ như sau:

2.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

2.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;\

2.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

2.4 Tham dự các cuộc họp;

2.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

2.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

2.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

2.8 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3: Bà **Hà Thu Nga** được hưởng mức thù lao và các chế độ khác do HĐQT Công ty quy định.

Điều 4: Bà **Hà Thu Nga**, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Trưởng các Phòng (ban) thuộc Công ty cổ phần Hacisco chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- UBCK nhà nước;
- Sở GDCKTPHCM;
- Lưu Thư ký HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Hà Phú Thịnh

HACISCO
CONSTRUCTION - LAND - TRADE
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN
HACISCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:29/QĐ - HAS

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành sửa đổi "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần HACISCO"

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH2013 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần HACISCO;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 12/BB-HĐQT-HAS ngày 25/05/2018 về việc ban hành sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hội đồng quản trị quyết định ban hành sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Hacisco kể từ ngày 25/05/2018.

Điều 2. Quy chế này gồm XI chương, 63 điều có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2018 và thay thế quy chế ban hành ngày 28/6/2013 được áp dụng để điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ tại Công ty Cổ phần Hacisco .

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông, Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành, Trưởng các đơn vị và toàn thể CBCNV có trách nhiệm thi hành quyết định này.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- Lưu TC-HC.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Hà Phú Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Số 51 - Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: 0243 858 3792- 0243 858 5684 - Fax: 0243 858 5563.

HACISCO
CONSTRUCTION - LAND - TRADE
ISO 9001:2008

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HÀ NỘI 05/2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 1

QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh 1

Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1

CHƯƠNG II 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông 2

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội 4

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chủ tọa và thư ký 4

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn 4

Điều 7. Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty 4

Điều 8. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường 4

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 10: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 11. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: 8

Điều 12. Phương thức biểu quyết 9

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội 9

Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 16. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập 10

Điều 17. Biên bản, Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 10

Điều 18: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 19: Thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng: 13

CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13

Điều 20. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 13

Điều 21. Phương thức bầu cử 14

Điều 22. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu 15

Điều 23. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 15

Điều 24. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu 16

Điều 25. Khiếu nại về việc bầu cử 16

Điều 26. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị 16

Điều 27. Thành phần Hội đồng quản trị 16

Điều 28. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị 16

Điều 29. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 17

Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 17

Điều 31. Họp Hội đồng quản trị 18

Điều 32. Lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản 20

Điều 33. Thù lao của Hội đồng quản trị 20

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 21

Điều 35. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị 21

Điều 36. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị 21

Điều 37. Đào tạo về quản trị công ty 22

CHƯƠNG IV: KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT 22

Điều 38. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên 22

Điều 39. Tư cách Kiểm soát viên 22
Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát 22
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên và Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 23
Điều 42. Quyền tiếp cận thông tin của Kiểm soát viên 23
Điều 43. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 23
Điều 44. Thù lao của Ban kiểm soát 24
Điều 45. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng đối với Kiểm soát viên. 24
CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC 25
Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý 25
Điều 47. Cán bộ quản lý 25
Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành 25
Điều 49. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, ký luật đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ qnản lý 27
CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 26
Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành 27
CHƯƠNG VII: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 28
Điều 51. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty: 28
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty: 28
Điều 53. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị Công ty: 29
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 29
Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác. 29
Điều 55. Giao dịch với người có liên quan 30
Điều 56. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty 30
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 30
Điều 57. Nghĩa vụ công bố thông tin 30
Điều 58. Công bố thông tin về quản trị công ty 31
Điều 59. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty 31
Điều 60. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành 31
CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 32
Điều 61. Giám sát 32
Điều 62. Xử lý vi phạm 32
CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN 32
Điều 63. Tổ chức thực hiện 32

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 05 năm 2018

của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần HACISCO)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được áp dụng cho Công ty Cổ phần Hacisco. Quy chế được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006 và hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần HACISCO.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hacisco.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. "Công ty" là Công ty Cổ phần HACISCO, có trụ sở tại số 51 Vũ Trọng Phụng - quận Thanh Xuân - thành phố Hà Nội.
2. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
   - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
   - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
   - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
   - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
3. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
4. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
5. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác theo Điều lệ Công quy định.
7. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là

người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
-

CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu điều kiện kỹ thuật cho phép). Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp gửi thư đảm bảo, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại **điều 129 của Luật Doanh nghiệp;**

i. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **10% tổng số cổ phần phổ thông** trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều lệ Công ty;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại **Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;**

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, **số Thẻ căn cước công dân,** số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Nghĩa vụ của cổ đông:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền **hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu điều kiện kỹ thuật cho phép).** Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua tại Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra; phát các tài liệu và phiếu biểu quyết cho các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chủ tọa và thư ký

1. Chủ toạ đại hội là Chủ tịch HĐQT, Ban thư ký đại hội do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Quyết định của Chủ toạ Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.
3. Chủ toạ đại hội tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
4. Chủ toạ đại hội có quyền trì hoãn đại hội đến một thời điểm khác và địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

c. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội

5. Ban thư ký đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ toạ, phản ánh trung thực, chính xác nội dung đại hội trong Biên bản và Nghị quyết đại hội.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị của công ty tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông lớn có thể liên lạc thường xuyên.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Công ty Cổ phần HACISCO tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cụ thể:

1. Hội đồng quản trị họp quyết định:

a. Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, thời gian tổ chức đại hội có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

2. Thông báo, hướng dẫn các cổ đông, các nhóm cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

2.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông**; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2.2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của **Ủy ban chứng khoán nhà nước,** Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. **Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông**, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội phải được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

2.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12. Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

2.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Điều lệ Công ty trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ **ít nhất 10%** cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12. Điều lệ Công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác **theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.**

2.5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

2.6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

2.7. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty Cổ phần HACISCO ban hành ngày 15/3/2017.

3. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

4. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là

hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 10: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ không quá ba (03) người tại **Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh Nghiệp.**
3. Cổ đông **hoặc đại diện cổ đông được ủy quyền** đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn sau **khi cuộc họp đã khai mạc** có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có ai trong số họ có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra chủ toạ của Đại hội đồng cổ đông, Chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.
5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp theo Điều 138 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp
7. Chủ toạ đại hội có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba

(03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định theo Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
9. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
d. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ Công ty và Quy chế này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 11, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi **có từ 51% trở lên tổng số phiếu**

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty hoặc chi nhánh, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện **có giá trị từ 35% trở lên** tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán chỉ được thông qua khi **có từ 65% trở lên** tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Phương thức biểu quyết

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến một vấn đề được nêu ra tại Đại hội, bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết.
- Khi biểu quyết, mặt trước của phiếu biểu quyết (Ghi mã số biểu quyết) phải được giơ cao hướng về phía Chủ tịch đoàn.
- Ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền được thực hiện bởi Ban Kiểm phiếu.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

- Các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến:
- Phải giơ cao phiếu ghi mã cổ đông, mặt trước hướng về Chủ Tịch đoàn;
- Được sự chấp nhận của Chủ tịch đoàn;
- Cổ đông phải tự giới thiệu tư cách cổ đông;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, đúng thời gian thảo luận và phù hợp với chương trình Đại hội.

Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc (Tổng giám đốc);
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cổ đông.

Điều 16. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 17. Biên bản, Nghị quyết của cuộc họp Đại hồi đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24h và được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. **Việc gửi biên bản cho tất cả các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang** website của Công ty : **www.has.vn**. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký đại hội và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, **nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty,** thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ **nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết** của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 20 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư

điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố và gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu thông qua website của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện **ít nhất 51% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19: Thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng:

Công ty có trách nhiệm thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và quy định của Pháp luật

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế thực hiện theo Pháp luật và Điều lệ công ty.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Phương thức bầu cử

1. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp được ủy quyền người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.;

- Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:
- Phiếu không theo mẫu quy định của công ty, không có dấu của công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

2. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiêu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 22. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi có cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 23. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại

riêng các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.

Điều 24. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 25. Khiếu nại về việc bầu cử

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị trên năm (05) công ty khác.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành

Điều 27. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu thành viên sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Điều 29. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

   Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

   - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
   - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
   - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
   - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị

với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:

a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Các vấn đề Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này.

8. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Điều 31. Họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp,

các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 31 của Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 31 của Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ

cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị).. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị và Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Nghị quyết HĐQT được thông báo tới các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 32. Lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản

Trong những điều kiện đặc biệt, quan trọng, không thể tổ chức họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Văn bản phải nêu rõ mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; thời gian xem xét ghi ý kiến và nơi nhận phiếu lấy ý kiến. Bảng ý kiến biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị nêu cụ thể "Đồng ý", "Không đồng ý" và "Ý kiến khác". Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị được lập không quá 7 ngày làm việc, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thư ký. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 33. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được

công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế thực hiện theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 35. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị nhận xét đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua các chức danh đảm nhận, sự phân công trách nhiệm và nhiệm vụ Hội đồng quản trị do Điều lệ quy định.

2. Mức khen thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số phiếu hợp lệ với tỷ lệ thưởng có thể bằng mức thù lao hàng tháng.

Điều 36. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Trường hợp công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 37. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, Người phụ trách quản trị công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG IV

KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 20 Quy chế này.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định của công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- Cách thức bầu Kiểm soát viên:

  Việc bầu Kiểm soát viên phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên khác. Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử Ban kiểm soát được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ

Điều 39. Tư cách Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm kiểm soát viên. Kiểm soát viên phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Mọi quy định khác về Kiểm soát viên thực hiện theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là (năm) 05 người. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có

chuyên môn về kế toán *(đã được đào tạo về kế toán và phải có một thời gian công tác thực tế để có hiểu biết về kế toán cả về mặt lý thuyết và về mặt thực tiễn.)*

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên và Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định Pháp luật Chứng khoán.

Điều 42. Quyền tiếp cận thông tin của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các Kiểm soát viên.

2. Công ty phải xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 43. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại **Điều 165 Luật Doanh nghiệp** và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý, trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Công ty;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Công ty.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty đại chúng.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 44. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các Kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các Kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

Điều 45. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng đối với Kiểm soát viên.

1. Ban Kiểm soát nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên thông qua các chức năng nhiệm vụ do Điều lệ quy định và sự phân công, phân nhiệm trong Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát đề xuất mức khen thưởng cho Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số phiếu hợp lệ với tỷ lệ thưởng có thể bằng mức thù lao hàng tháng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG V
QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 47. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề

xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 49. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ qnản lý

1. Hội đồng quản trị đánh giá năng lực và kết quả điều hành của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc theo định kỳ và cuối năm tài chính, trên cơ sở tham khảo ý kiến của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán, kết quả hoạt động và lợi nhuận đạt được theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

- Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan kèm theo đến BKS, Ban TGĐ ít nhất ba (03) ngày làm việc trước cuộc họp.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

+ Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

+ Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

+ Ban kiểm soát.

- Khi cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời họp phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước cuộc họp.

- Khi cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT và Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Ban Tổng giám đốc điều hành để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời họp phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước cuộc họp.

2. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được chuyển đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành công ty.

3. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin:

- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu của Ban kiểm soát phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng ban kiểm soát.

- Trường hợp cần thiết, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

- Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả thực hiện về nhiệm vụ, chức trách được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao cho. Việc báo cáo thực hiện định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc:

- Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc thuận lợi và hiệu quả.

5. Trong cuộc họp định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị kiểm tra đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng và các nội dung ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện.
6. Trước khi tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải chuẩn bị báo cáo các vấn đề liên quan để báo cáo tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
7. Việc đánh giá hoạt động khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý công ty được thực hiện căn cứ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 53. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị Công ty:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị

Công ty do HĐQT Công ty quyết định và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới **20%** Tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% đến dưới 35% Tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% Tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị phải

được báo cáo Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết về vấn đề đó và được Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 55. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 56. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công

ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 58. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 59. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 60. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 26 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.
4. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG X

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 61. Giám sát

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 62. Xử lý vi phạm

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 63. Tổ chức thực hiện

Quy chế này gồm XI chương, 63 điều có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2018 và thay thế quy chế ban hành ngày 28/6/2013.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc, toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần HACISCO và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

CHỦ TỊCH HĐQT	**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Hà Phú Thịnh	**Đinh Tiến Vịnh**
UỶ VIÊN HĐQT	**UỶ VIÊN HĐQT**
Nguyễn Duy Thắng	**Phạm Minh Tuấn**